

Bản án số: 46/2018/HS-ST
Ngày 30-11-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Anh Luyện.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phùng Ngọc Tuấn.

2. Bà Trần Thị Hoài.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Bà Lý Hồng Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 44/2018/TLST-HS ngày 13 tháng 11 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 685/2018/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 11 năm 2018 đối với:

1. Bị cáo: NGUYỄN HUY T - Sinh ngày 24 tháng 8 năm 1985 tại huyện C, tỉnh Y.

Nơi cư trú: Tổ 02, thôn V, xã L, huyện H, tỉnh G; Nghề nghiệp: Cán bộ; Trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Huy H – Sinh năm: 1960; Con bà: Lê Thị V – Sinh năm: 1961; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ 02; Vợ: Trương Thúy H – Sinh năm: 1986; Con: Có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2009, con nhỏ nhất sinh năm 2014.

Tiền án; Tiền sự: Không.

Bị cáo T bị bắt ngày 17-7-2018 đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện H, tỉnh G; Hôm nay có mặt.

2. Bị cáo: VI VĂN Y - Sinh ngày 10 tháng 4 năm 1973 tại thành phố H, tỉnh G.

Nơi cư trú: Thôn B, xã Đ, thành phố H, tỉnh G; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): 4/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Vi Văn C – Sinh năm: 1929 (đã chết); Con bà: Hoàng Thị M – Sinh năm: 1942 (đã chết); Gia đình có 08 anh, chị, em, bị cáo là con thứ 06; Vợ: Nông Thị D – Sinh năm: 1982 (đã ly hôn); Con: Có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2002, con nhỏ nhất sinh năm 2004.

Tiền án; Tiền sự: Không.

Bị cáo Y bị bắt ngày 17-7-2018 đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện H, tỉnh G; Hôm nay có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh **Nguyễn Kiều H** – Sinh năm: 1984; Địa chỉ: Thôn 6, xã D, huyện Đ, tỉnh T; Địa chỉ hiện nay đang sinh sống: thôn N, xã L, huyện M, tỉnh G. Hôm nay có mặt.

- Chị **Trương Thúy H** – Sinh năm: 1986; Địa chỉ: thôn T, xã N, huyện Q, tỉnh G. Hôm nay có mặt.

Nhân chứng:

- **Lý Tử M** Sinh năm: 1975; Địa chỉ: thôn P, xã X, huyện S, tỉnh L. Hiện nay đang tại trú: Thôn B, xã Đ, thành phố H, tỉnh G. Hôm nay có mặt

- Anh **Vi Văn T** – Sinh năm: 1978; Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, thành phố H, tỉnh G. Hôm nay có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Huy T có quen biết với Nguyễn Kiều H (**T** và **H** là *đối tượng nghiện ma túy*). Khoảng 08 giờ ngày 17-7-2018, H gọi điện cho T rủ nhau góp tiền mua ma túy để cùng sử dụng, T đồng ý và hẹn gặp nhau tại khu vực Km 28 quốc lộ 2 thuộc thị trấn VL, huyện H, tỉnh G. Khi gặp nhau H đưa cho T 400.000đ (*Bốn trăm nghìn đồng*), T bỏ ra 100.000đ (*Một trăm nghìn*) tổng cộng là 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*) mua chất ma túy để sử dụng. Sau đó T điều khiển xe mô tô BKS 23B1 – 429.81 chở H lên thành phố Hà Giang để mua chất ma túy. Trước khi đi T gọi điện thoại cho Vi Văn Y, hỏi mua 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*) ma túy (*Heroin*) được Y đồng ý. Sau khi T gọi điện thoại cho Y xong, T chở H đến sân vận động C10 thuộc phường Trần Phú, thành phố Hà Giang, bảo H đợi. Sau đó T một mình điều khiển xe mô tô đi đến gặp Y. Khoảng 09 giờ 00 phút T đến thôn Bản Cườm 2, xã Ngọc Đường, thành phố Hà Giang cách nhà Y khoảng 100 mét thì thấy Y đang đứng ở lề đường bê tông. T dừng xe và đưa cho Y số tiền 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*), Y cầm tiền và đưa cho T 01 gói giấy bạc đựng ma túy. Mua bán xong Y đi bộ về nhà còn T cất gói ma túy vào túi quần rồi điều khiển xe mô tô quay lại đón H, trên đường đi, T dừng xe ở ven đường chia gói ma túy vừa mua được ra làm hai phần, một phần T cất vào ví của mình để sử dụng, một phần cất vào bao thuốc lá (*có sẵn từ trước*) để đưa cho H. Sau đó T tiếp tục điều khiển xe mô tô đến sân vận động C10 để đón H. Sau khi đón H, T chở H đi theo hướng thị trấn Vị Xuyên. Khi đi đến khu vực cầu Y Biên I, T dừng xe đưa gói ma túy cất trong bao thuốc lá cho H, H cầm gói ma túy và đi xuống bờ sông Lô chia gói ma túy ra làm hai phần, một phần gói lại cất vào túi quần, phần còn lại sử dụng luôn tại đó còn T đứng trên đường chờ H. Sử dụng ma túy xong, H lại chở T đi về. Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 17-7-2017 cả hai người về đến Km 23 thuộc Tổ 12, thị trấn X, huyện H, tỉnh G thì bị lực lượng chức năng bắt quả tang thu của T 01 gói chứa chất ma túy (ký hiệu M2), thu của H 01 gói chứa chất ma túy (ký hiệu M1) để xử lý theo quy định của pháp luật.

Căn cứ lời khai của Nguyễn Huy T, cùng ngày 17-7-2018 Cơ quan CSĐT Công an huyện H tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Vi Văn Y tại thôn Bản Cuờm 2, xã Ngọc Đ, thành phố H. Quá trình khám xét đã thu giữ số tiền 47.200.000đ (*Bốn mươi bảy triệu hai trăm nghìn đồng*) và được niêm phong theo quy định.

Ngày 17-7-2018 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H đã tiến hành trưng cầu giám định: 01 phong bì bên trong có gói giấy bạc chứa chất bột màu trắng ký hiệu M1; 01 phong bì bên trong gói giấy bạc chứa chất màu trắng ký hiệu M2 có phải là chất ma túy, tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép ma túy không? Loại chất ma túy gì, tiền chất gì, khối lượng mẫu vật gửi giám định là bao nhiêu (BL số 104).

Tại Kết luận giám định số 255/KL-PC54 ngày 24-7-2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh G kết luận: Mẫu chất bột màu trắng gửi giám định ký hiệu M1, M2 là ma túy, loại ma túy Heroine. Khối lượng các mẫu vật gửi giám định cụ thể như sau: Mẫu chất bột màu trắng đựng trong phong bì ký hiệu M1 có khối lượng 0,011 gam; Mẫu chất bột màu trắng đựng trong phong bì ký hiệu M2 có khối lượng 0,228 gam (BL số 105).

Vật chứng thu giữ gồm:

- 0,239 gam ma túy (*còn lại sau khi đã lấy mẫu giám định là 0,206 gam*) được niêm phong trong 01 phong bì bên ngoài ghi chữ “*Mẫu vật ký hiệu M 2 còn lại sau giám định*” ;

- 01 phong bì đã niêm phong, mặt trước có ghi chữ “*Vỏ phong bì đã mở niêm phong và vỏ bao gói mẫu vật*” (*Vỏ phong bì đã mở niêm phong và vỏ bao gói mẫu vật*) (ký hiệu A1);

- 01 phong bì đã niêm phong, mặt trước có ghi chữ “*Vỏ phong bì đã mở niêm phong và vỏ bao gói mẫu vật*” (*Vỏ phong bì đã mở niêm phong và vỏ bao gói mẫu vật*) (ký hiệu A2);

- 01 xe mô tô biển kiểm soát 23B1-429.81 (*không kiểm tra tình trạng hoạt động*);

- 01 ví giả da màu đen;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia vỏ màu xanh, bàn phím màu đen (*không kiểm tra tình trạng hoạt động*);

- 01 điện thoại màu đen, bên ngoài ghi chữ F112i (*không kiểm tra tình trạng hoạt động*);

- 01 điện thoại di động ghi chữ Masstel màu đen, viền hai bên màu vàng, bên trong máy có 02 (hai) chiếc sim Viettel (*không kiểm tra tình trạng hoạt động*);

- 04 xi lanh;

- 04 ống nước NOVOCAIN.

(*Tình trạng vật chứng như trong biên bản kiểm bắt người phạm tội quả tang ngày 17-7-2018*). (Toàn bộ vật chứng trên đã chuyển sang Chi cục thi hành án dân sự huyện H để quản lý theo quy định).

- Số tiền 47.200.000đ (*Bốn mươi bảy triệu, hai trăm nghìn đồng*). Quá trình điều tra xác định số tiền trên là tài sản Vi Văn Y vay ngân hàng chính sách xã hội thành phố H và bán một số tài sản, vật nuôi trong gia đình. Xét thấy không cần

phải tạm giữ thêm nên ngày 22-10-2018 Cơ quan CSĐT Công an huyện H đã trả lại cho chủ sở hữu (BL số 118).

Tại cáo trạng số: 42/CT-VKS ngày 13 tháng 11 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh G. Quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Huy T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS và truy tố bị cáo Vi Văn Y về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Huy T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như sau: Bị cáo Nguyễn Huy T góp 100.000đ cùng với Nguyễn Kiều H góp 400.000đ để mua chất ma túy về sử dụng: Khoảng 09 giờ 00 phút T đến thôn Bản Cườm 2, xã Ngọc Đường, thành phố Hà Giang cách nhà Vi Văn Y khoảng 100 mét như đã hẹn trước, thì thấy Y đang đứng ở lề đường bê tông. T dừng xe và đưa cho Y số tiền 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*), Y cầm tiền và đưa cho T 01 gói giấy bạc đựng ma túy. Mua bán xong Y đi bộ về nhà còn T cất ma túy vào túi quần rồi điều khiển xe mô tô quay lại đón H, trên đường đi, T dừng xe ở ven đường chia gói ma túy vừa mua được ra làm hai phần, một phần T cất vào ví của mình để sử dụng, một phần cất vào bao thuốc lá (*có sẵn từ trước*) để đưa cho H. Sau đó T tiếp tục điều khiển xe mô tô đến sân vận động C10 để đón H. Sau khi đón H, T chở H đi theo hướng thị trấn Vị Xuyên. Khi đi đến khu vực cầu Y Biên I, T dừng xe đưa gói ma túy cất trong bao thuốc lá cho H, đến khoảng 10 giờ 30 phút ngày 17-7-2018 tại Km 23 thuộc khu vực Tổ 12, thị trấn Vị Xuyên, HUYỆN H, TỈNH G, thì bị lực lượng chức năng bắt quả tang Nguyễn Huy T có hành vi tàng trữ 0,228 gam ma túy. Bị cáo T nhận thức được hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị với HĐXX giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo, để bị cáo sớm về hòa nhập với gia đình và cộng đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Vi Văn Y đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như sau: Khoảng 09 giờ 00 phút ngày 17-7-2018, Vi Văn Y đã bán cho Nguyễn Huy T 01 gói ma túy với giá 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*). Bị cáo Y nhận thức được hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị với HĐXX giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm về hòa nhập với gia đình và cộng đồng.

Người có quyền lợi, liên quan Nguyễn Kiều H khai đã góp 400.000đ cùng T để mua 01 gói chất ma túy về để sử dụng, quá trình mua bán là do bị cáo T mua và đưa lại cho H 01 gói ma túy, H đã sử dụng một phần và còn lại một phần có trọng lượng 0,011 gam. H không biết T mua bán với Y diễn ra như thế nào.

Chị Trương Thúy H vợ của bị cáo T đề nghị HĐXX trả lại 01 xe mô tô biển kiểm soát 23B1-429.81 mà T bị thu giữ vì đây là tài sản chung của vợ, chồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H thực hành quyền công tố tại phiên tòa ngày hôm nay, có quan điểm giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo. Đưa ra chứng cứ đánh giá mức độ hành vi phạm tội và thái độ thành khẩn khai báo của bị cáo; lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; lời khai của người làm chứng. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H đề nghị với HĐXX tuyên bố:

Về tội danh: Tuyên bị cáo Nguyễn Huy T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS.

Bị cáo Vi Văn Y về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015.

Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Huy T từ 15 tháng đến 18 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt ngày 17-7-2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Đề nghị xử phạt bị cáo Vi Văn Y từ 26 tháng đến 28 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt ngày 17-7-2018.

Về vật chứng:

Áp dụng: khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

***Tịch thu tiêu hủy hàng cấm, vật dụng không còn giá trị sử dụng gồm:**

- 01 phong bì đã niêm phong bên trong có chứa 0,206 gam ma túy mặt trước có ghi chữ “Mẫu vật ký hiệu M2 còn lại sau giám định” ;

- 01 phong bì đã niêm phong, mặt trước có ghi chữ (Vỏ phong bì đã mở niêm phong và vỏ bao gói mẫu vật” (ký hiệu A1);

- 01 phong bì đã niêm phong, mặt trước có ghi chữ (Vỏ phong bì đã mở niêm phong và vỏ bao gói mẫu vật” (ký hiệu A2);

- 01 ví giả da màu đen; 04 xi lanh; 04 ống nước cất có chữ NOVOCAIN.

***Tịch thu sung quỹ nhà nước gồm:**

- 01 điện thoại di động vỏ màu xanh, bàn phím màu đen có chữ Nokia (không kiểm tra tình trạng hoạt động);

- 01 điện thoại màu đen, bên ngoài ghi chữ F112i (không kiểm tra tình trạng hoạt động);

- 01 điện thoại di động có vỏ màu đen, viền hai bên màu vàng, bên trong máy có 02 (hai) chiếc sim Viettel, trên điện thoại ghi chữ Masstel (không kiểm tra tình trạng hoạt động);

*** Trả lại tài sản:** Cho gia đình bị cáo Nguyễn Huy T.

- 01 xe mô tô biển kiểm soát 23B1-429.81 (không kiểm tra tình trạng hoạt động, xe không có gương chiếu hậu hai bên, loại xe Wavea màu xanh, nhãn hiệu HONDA);

(Tình trạng vật chứng như trong biên bản bàn giao ngày 14-11-2018 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H và Chi cục thi hành án dân sự huyện H).

Truy thu sung quỹ: Số tiền 500.000đ thu lời bất chính do bị cáo Y bán chất ma túy cho T.

Về án phí, quyền kháng cáo của bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phân tranh luận:

Các bị cáo T, Y nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đưa ra tại phiên tòa, không có ý kiến khác.

Các bị cáo thực hiện quyền nói lời sau cùng:

Các bị cáo T, Y đề nghị xin giảm nhẹ mức hình phạt cho các bị cáo để sớm về hòa nhập với gia đình và cộng đồng.

Người làm chứng đã khai tại hồ sơ và tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo khai nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình giải quyết vụ án HĐXX nhận thấy Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát; Kiểm sát viên đã thực hiện hành vi, quyết định tố tụng về khởi tố vụ án, khởi tố bị can, ra biện pháp bắt tạm giam đối với các bị cáo, ra quyết định truy tố; thu thập chứng cứ tài liệu, vật chứng đã khách quan, phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo như sau: Tại phiên tòa bị cáo T khai nhận, bị cáo T góp 100.000đ cùng Nguyễn Kiều H góp 400.000đ để mua chất ma túy về sử dụng, vào khoảng 09 giờ 00 phút cùng ngày T đến thôn Bản Cườm 2, xã Ngọc Đ, thành phố H cách nhà Vi Văn Y khoảng 100 mét như đã hẹn trước, thì thấy Y đang đứng ở lề đường bê tông. T dừng xe và đưa cho Y số tiền 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*), Y cầm tiền và đưa cho T 01 gói giấy bạc đựng ma túy T đã chia đôi đưa cho H một nửa còn lại 1/2 để trong ví của mình là: 0,228 gam ma túy, H đã sử dụng 1/2 còn lại 0,011g ma túy. Đến khoảng 10 giờ 30 phút ngày 17/7/2018 tại Km 23 thuộc khu vực Tổ 12, thị trấn V, huyện H, tỉnh G, T, H thì bị lực lượng chức năng bắt quả tang đang tàng trữ chất ma túy. Bị cáo Vi Văn Y cũng thừa nhận có bán cho bị cáo T 01 gói ma túy với giá 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*). Lời nhận tội của các bị cáo T, Y trước phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, biên bản hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường, phù hợp kết luận giám định vật chứng, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Bị cáo Nguyễn Huy T và bị cáo Vi Văn Y là người có đủ năng lực hành vi chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo T mua trái phép chất ma túy với Y về sử dụng, sau khi chia cho H một phần, còn lại 0,228 gam ma túy (loại Heroine) đang cất giữ trên người thực hiện với lỗi cố ý. Bị cáo Y có hành vi mua bán trái phép 01 gói chất ma túy cho T với giá 500.000đ thực hiện với lỗi cố ý, các bị cáo đã xâm phạm sự quản lý độc quyền của nhà nước đối với chất ma túy. Do vậy HĐXX đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo Nguyễn Huy T đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS; Bị cáo Vi Văn Y phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 BLHS

Điều luật quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS.

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a...

c. Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 0,5 gam.”.

Điều luật quy định tại khoản 1 Điều 251 BLHS.

“1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm”.

Bị cáo T thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, bị cáo Y thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy, đã xâm phạm sự quản lý độc quyền của nhà nước đối với chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, sức khỏe và sự phát triển giống nòi của dân tộc, vì chất ma túy là chất kích thích, ức chế thần kinh hoặc gây ảo giác, nếu sử dụng nhiều lần dễ gây tình trạng nghiện đối với người sử dụng. Từ đó phát sinh ra nhiều tệ nạn xã hội khác như cướp giật, trộm cắp, lây truyền dịch bệnh HIV-AIDS là rất nguy hiểm cho xã hội nói chung và trên địa bàn huyện H, tỉnh G nói riêng. Do vậy HĐXX xét thấy cần thiết lên mức án nghiêm minh tương xứng với tính chất mức độ phạm tội mà các bị cáo gây ra để giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội. Bị cáo Y theo khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự, bị cáo T theo khung hình phạt quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS.

Đối với bị cáo T, Y không có công việc làm và thu nhập ổn định. HĐXX xét thấy không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo theo khoản 5 Điều 251; khoản 5 Điều 249 BLHS.

[3] Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Nguyễn Huy T không có.

Bị cáo Vi Văn Y nhân thân xấu có 01 bản án số 28/2011/HSST ngày 29-11-2011 của TAND thành p - H xử phạt 07 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 14 tháng, đối với Vi Văn Y về tội "Đánh bạc" đã được xóa án tích để xem xét khi lượng hình.

[4] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Tại quá trình điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay các bị cáo T, Y thật thà khai báo, biết ăn năn hối cải, là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về vật chứng:

**Tịch thu tiêu hủy hàng cấm, vật dụng không còn giá trị sử dụng gồm:*

- 01 phong bì đã niêm phong bên trong có chứa 0,206 gam ma túy mất trước có ghi chữ “Mẫu vật ký hiệu M2 còn lại sau giám định” ;

- 01 phong bì đã niêm phong, mặt trước có ghi chữ (Vỏ phong bì đã mở niêm phong và vỏ bao gói mẫu vật” (ký hiệu A1);

- 01 phong bì đã niêm phong, mặt trước có ghi chữ (Vỏ phong bì đã mở niêm phong và vỏ bao gói mẫu vật” (ký hiệu A2);

- 01 ví giả da màu đen; 04 xi lanh; 04 ống nước cất có chữ NOVOCAIN

**Tịch thu sung quỹ nhà nước phương tiện dùng vào việc phạm tội gồm:*

- 01 điện thoại di động vỏ màu xanh, bàn phím màu đen có chữ Nokia (không kiểm tra tình trạng hoạt động);

- 01 điện thoại màu đen, bên ngoài ghi chữ F112i (*không kiểm tra tình trạng hoạt động*);

- 01 điện thoại di động có vỏ màu đen, viền hai bên màu vàng, bên trong máy có 02 (hai) chiếc sim Viettel, trên điện thoại ghi chữ Masstel (*không kiểm tra tình trạng hoạt động*);

* *Trả lại tài sản:* Cho gia đình bị cáo Nguyễn Huy T, đây là tài sản chung vợ, chồng có trong thời kỳ hôn nhân.

- 01 xe mô tô biển kiểm soát 23B1-429.81 (*không kiểm tra tình trạng hoạt động, xe không có gương chiếu hậu hai bên, loại xe Wavea màu xanh, nhãn hiệu HONDA*); Người nhận tài sản chị Trương Thúy H – Sinh năm: 1986; Địa chỉ: thôn Tân Thắng, xã T, huyện B, tỉnh G. (chị H là vợ bị cáo T).

(*Tình trạng vật chứng như trong biên bản bàn giao ngày 14-11-2018 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H và Chi cục thi hành án dân sự huyện H*).

Truy thu sung quỹ: Số tiền 500.000đ thu lời bất chính đối với bị cáo Y bán chất ma túy cho T.

Theo khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

[6] Về án phí: Buộc các bị cáo T, Y mỗi người phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Theo quy định khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 21, khoản 1 Điều 23 theo Nghị quyết số 326-2016-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của UBTVQH “quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

[7] Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Khi bị lực lượng chức năng bắt quả tang thu giữ trên người H 01 gói ma túy có trọng lượng 0,011 gam. Xét thấy Nguyễn Kiều H là đối tượng nghiện ma túy, hành vi tàng trữ ma túy của H chưa đủ khối lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự. Do vậy Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện H đã ban hành Quyết định xử lý vi phạm hành chính số 85 ngày 24/10/2018 với mức phạt 1.500.000đ đối với Nguyễn Kiều H (BL số 305).

Đối với Lý Tả M, sinh năm 1976, trú tại thôn Pồ Chồ, xã Bản Xèo, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai (*là người sống chung như vợ chồng với Vi Văn Y nhưng chưa đăng ký kết hôn*). Việc Y thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy M không biết, nên cơ quan CSĐT Công an huyện H không xem xét xử lý (BL số 198 đến 201).

Đối với người đàn ông Trung Quốc theo lời khai của Y đã mua 400.000đ (*Bốn trăm nghìn đồng*) ma túy của người này nhưng Y không biết nhân thân, lai lịch, địa chỉ cụ thể của người đàn ông đã bán ma túy cho Y. Do vậy Cơ quan CSĐT Công an huyện H tiếp tục điều tra xác minh khi có đủ căn cứ sẽ giải quyết theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Huy T phạm vào tội “ Tàng trữ trái phép chất ma túy”

Bị cáo Vi Văn Y phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Hình phạt:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Huy T 15 (*mười năm*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù, tính từ ngày bị cáo T bị bắt tạm giam ngày 17-7-2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Vi Văn Y 26 (*hai sáu*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù, tính từ ngày bị cáo Y bị bắt tạm giam ngày 17-7-2018.

Về vật chứng:

Áp dụng: khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

**Tịch thu tiêu hủy hàng cấm, vật dụng không còn giá trị sử dụng gồm:*

- 01 phong bì đã niêm phong bên trong có chứa 0,206 gam ma túy mất trước có ghi chữ “*Mẫu vật ký hiệu M2 còn lại sau giám định*” ;

- 01 phong bì đã niêm phong, mặt trước có ghi chữ (*Vỏ phong bì đã mở niêm phong và vỏ bao gói mẫu vật*) (ký hiệu A1);

- 01 phong bì đã niêm phong, mặt trước có ghi chữ (*Vỏ phong bì đã mở niêm phong và vỏ bao gói mẫu vật*) (ký hiệu A2);

- 01 ví giả da màu đen;

- 04 xi lanh;

- 04 ống nước cất có chữ NOVOCAIN

**Tịch thu sung quỹ nhà nước gồm:*

- 01 điện thoại di động vỏ màu xanh, bàn phím màu đen có chữ Nokia (*không kiểm tra tình trạng hoạt động*);

- 01 điện thoại màu đen, bên ngoài ghi chữ F112i (*không kiểm tra tình trạng hoạt động*);

- 01 điện thoại di động có vỏ màu đen, viền hai bên màu vàng, bên trong máy có 02 (hai) chiếc sim Viettel, trên điện thoại ghi chữ Masstel (*không kiểm tra tình trạng hoạt động*);

** Trả lại tài sản:* Cho gia đình bị cáo Nguyễn Huy T.

- 01 xe mô tô biển kiểm soát 23B1-429.81 (*không kiểm tra tình trạng hoạt động, xe không có gương chiếu hậu hai bên, loại xe Wavea màu xanh, nhãn hiệu HONDA*); Người nhận tài sản Chị Trương Thúy H – Sinh năm: 1986; Địa chỉ: thôn Tân Thắng, xã T, huyện B, tỉnh G. (chị H là vợ bị cáo T)

(*Tình trạng vật chứng như trong biên bản bàn giao ngày 14-11-2018 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H và Chi cục thi hành án dân sự huyện H*).

Truy thu sung quỹ nhà nước: Đối với bị cáo Vi Văn Y số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn) tiền thu lời bất chính.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 21, khoản 1 Điều 23 theo Nghị quyết số 326-2016-UBTVQH14 ngày 30-12-2016

“quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Buộc bị cáo Nguyễn Huy T phải chịu 200.000đ án phí HSST.

Buộc bị cáo Vi Văn Y phải chịu 200.000đ án phí HSST.

Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Báo cho bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 30-11-2018).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND huyện H;
- VKSND tỉnh;
- Công an huyện H;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Sở tư pháp H;
- Thi hành án huyện H;
- Lưu hs, hstha, vp.

T-M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Lâm Anh Luyện

